

Số: /2026/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 304/TTr-STC ngày 04 tháng 6 năm 2026 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 330/BC-STP ngày 11 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước và báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau
- Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính
- Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và việc rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã.
- Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã.
- Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước.

6. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp cho cơ quan tài chính.

7. Chế độ báo cáo công khai ngân sách.

Ngoài quy định trên, việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ), Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính) và các văn bản quy định của nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách, các chủ đầu tư, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các cơ quan tổng hợp, các cơ quan thu ngân sách, Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan trong việc quản lý và sử dụng ngân sách.

Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước và báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau

1. Đối với cấp xã

a) Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I; các tổ chức được ngân sách hỗ trợ; các cơ quan được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của quỹ thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cấp xã trước ngày 07 tháng 6 hằng năm.

b) Cơ quan tài chính cấp xã chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, lập dự toán ngân sách cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, cho ý kiến trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

c) Cơ quan tài chính cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tài chính dự toán ngân sách cấp mình đã được Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét; đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) trước ngày 20 tháng 6 hằng năm.

d) Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ thu, chi của cấp trên, cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán ngân sách năm sau trước ngày 15 tháng 12; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán ngân sách trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

đ) Trường hợp dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cấp xã vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định nhưng phải bảo đảm hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

e) Các đơn vị dự toán cấp I phân bổ, giao dự toán cho đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đối với cấp tỉnh

a) Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I; các tổ chức được ngân sách hỗ trợ; các cơ quan được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của quỹ thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính; đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) trước ngày 20 tháng 6 hằng năm.

b) Cơ quan Thuế, Hải quan tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan cấp trên, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 6 hằng năm.

c) Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia gửi Sở Tài chính báo cáo tổng hợp, đề xuất tổng mức kinh phí theo lĩnh vực phụ trách, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổng hợp, lập dự toán ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến trước ngày 05 tháng 7 hằng năm.

đ) Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, cơ quan quản lý lĩnh vực cấp trên dự toán đã được Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét trước ngày 10 tháng 7 hằng năm.

e) Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ thu, chi của cấp trên, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán ngân sách năm sau trước ngày 05 tháng 12 hằng năm; trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán ngân sách trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

g) Các đơn vị dự toán cấp I phân bổ, giao dự toán cho đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 4. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính

Đơn vị dự toán cấp I giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu B, mẫu C Phụ lục II, các mẫu biểu số 47, 48 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, gửi Kho bạc Nhà nước khu vực quản lý địa bàn cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện. Đồng thời gửi cơ quan tài chính các tài liệu thuyết minh cơ sở phân bổ, giao dự toán ngân sách để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán như sau:

1. Đối với kinh phí tự chủ của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức xã hội thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật và kinh phí thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp (phân bổ theo định mức):

a) Bảng tính toán số liệu phân bổ dự toán.

b) Các văn bản phát sinh mới (so với tài liệu đã gửi cơ quan tài chính tại thời điểm lập dự toán) liên quan đến quyết định giao biên chế, tiền lương.

2. Đối với kinh phí không tự chủ của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức xã hội thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật và kinh phí không thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp (kinh phí giao theo các nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt):

a) Các văn bản phát sinh mới (so với tài liệu đã gửi cơ quan tài chính tại thời điểm lập dự toán).

b) Biểu dự toán chi tiết có thuyết minh cơ sở lập dự toán: cơ sở pháp lý, số đối tượng, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác.

c) Các tài liệu làm cơ sở xác định số kinh phí được phân bổ: Giấy báo giá, hợp đồng, quyết định phê duyệt dự toán, quyết định phê duyệt quyết toán, quyết định phê duyệt đối tượng, mức chi theo quy định của tỉnh, của các ngành cấp trên quản lý và các văn bản khác có liên quan.

Điều 5. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và việc rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã

1. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng: Để đảm bảo nhu cầu chi theo dự toán và khả năng cân đối theo tiến độ thu ngân sách, việc rút dự toán chi bổ sung cân đối hằng tháng tối đa không vượt quá 1/12 tổng mức bổ

sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng thêm tiền độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, thông báo bằng văn bản để Ủy ban nhân dân cấp xã và Kho bạc nhà nước thực hiện.

2. Việc rút dự toán của ngân sách cấp xã đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh: Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng không sử dụng hết hoặc sử dụng không đúng mục tiêu, thì phải hoàn trả ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 6. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã

Trước ngày 05 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước theo mẫu biểu số 01 kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 02 kèm theo Quyết định này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hằng quý báo cáo Sở Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 03 đến số 05.1, 05.2 kèm theo Quyết định này. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hằng tháng báo cáo ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về việc thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 06, 07 kèm theo Quyết định này. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 18 hằng tháng.

4. Cơ quan tài chính cấp xã và các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh báo cáo Sở Tài chính về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo mẫu biểu số 08 kèm theo Quyết định này. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

Điều 8. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp cho cơ quan tài chính

Thời gian các đơn vị dự toán cấp I gửi báo cáo quyết toán năm cho cơ quan tài chính cùng cấp (có xác nhận của Kho bạc nhà nước).

1. Đối với các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh (đơn vị không có đơn vị dự toán trực thuộc): trước ngày 25/3 năm sau.

2. Đối với các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh (đơn vị có đơn vị dự toán trực thuộc): trước ngày 05/4 năm sau.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã: trước ngày 15/2 năm sau.

4. Quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp II, cấp III do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải đảm bảo thời gian để đơn vị dự toán cấp I xét duyệt, tổng hợp, lập gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 9. Chế độ báo cáo công khai ngân sách

1. Đơn vị dự toán ngân sách các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đúng quy định;

2. Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách, các chủ đầu tư, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các cơ quan tổng hợp, các cơ quan thu ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan trong việc quản lý và sử dụng ngân sách có trách nhiệm thực hiện việc lập, chấp hành dự toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật. Trong quá

trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- PCVP, các phòng, đơn vị, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTTH_(MTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cảnh Toàn